

Phụ lục I
DANH MỤC VỊ TRÍ VIỆC LÀM SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Quyết định số: /QĐ-UBND ngày / /2025 của UBND tỉnh)

STT	Tên vị trí việc làm	Mã VTVL	Ngạch công chức tương ứng	Đơn vị thực hiện
I	Vị trí việc làm lãnh đạo, quản lý: 12 vị trí			
1	Giám đốc Sở	SNNMT-LĐQL-01	Chuyên viên chính trở lên	Lãnh đạo Sở
2	Phó Giám đốc Sở	SNNMT-LĐQL-02	Chuyên viên chính trở lên	Lãnh đạo Sở
3	Chánh Văn phòng Sở	SNNMT-LĐQL-03	Chuyên viên trở lên	Văn phòng Sở
4	Chánh Thanh tra Sở	SNNMT-LĐQL-04	Thanh tra viên hoặc tương đương trở lên	Thanh tra Sở
5	Trưởng phòng thuộc Sở	SNNMT-LĐQL-05		
5.1	Trưởng phòng Tổ chức-Cán bộ	SNNMT-LĐQL-05.1	Chuyên viên trở lên	Phòng Tổ chức-Cán bộ
5.2	Trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính	SNNMT-LĐQL-05.2	Chuyên viên trở lên	Phòng Kế hoạch – Tài chính
5.3	Trưởng phòng Quản lý xây dựng công trình	SNNMT-LĐQL-05.3	Chuyên viên trở lên	Phòng Quản lý xây dựng công trình
5.4	Trưởng phòng Quy hoạch – Kế hoạch đất đai	SNNMT-LĐQL-05.4	Chuyên viên trở lên	Phòng Quy hoạch – Kế hoạch đất đai
5.5	Trưởng phòng Đo đạc, đăng ký và Kinh tế đất	SNNMT-LĐQL-05.5	Chuyên viên trở lên	Phòng Đo đạc, đăng ký và kinh tế đất
5.6	Trưởng phòng Biển và Khoáng sản	SNNMT-LĐQL-05.6	Chuyên viên trở lên	Phòng Biển và Khoáng sản
6	Phó Chánh Văn phòng Sở	SNNMT-LĐQL-06	Chuyên viên trở lên	Văn phòng Sở
7	Phó Chánh Thanh tra Sở	SNNMT-LĐQL-07	Thanh tra viên hoặc tương đương trở lên	Thanh tra Sở
8	Phó Trưởng phòng thuộc Sở	SNNMT-LĐQL-08		
8.1	Phó trưởng phòng Tổ chức-Cán bộ	SNNMT-LĐQL-08.1	Chuyên viên trở lên	Phòng Tổ chức - Cán bộ
8.2	Phó trưởng phòng Kế hoạch – Tài chính	SNNMT-LĐQL-08.2	Chuyên viên trở lên	Phòng Kế hoạch - Tài chính
8.3	Phó trưởng phòng Quản lý xây dựng công trình	SNNMT-LĐQL-08.3	Chuyên viên trở lên	Phòng Quản lý xây dựng công trình
8.4	Phó trưởng phòng Quy hoạch	SNNMT-LĐQL-	Chuyên viên trở	Phòng Quy hoạch – Kế

STT	Tên vị trí việc làm	Mã VTVL	Ngạch công chức tương ứng	Đơn vị thực hiện
	– Kế hoạch đất đai	08.4	lên	hoạch đất đai
8.5	Phó trưởng phòng Đo đạc, đăng ký và Kinh tế đất	SNNMT-LĐQL-08.5	Chuyên viên trở lên	Phòng Đo đạc, đăng ký và kinh tế đất
8.6	Phó trưởng phòng Biển và Khoáng sản	SNNMT-LĐQL-08.6	Chuyên viên trở lên	Phòng Biển và Khoáng sản
9	Chi cục trưởng và tương đương thuộc Sở	SNNMT-LĐQL-09		
9.1	Chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi	SNNMT-LĐQL-09.1	Chuyên viên trở lên	Chi cục Thủy lợi
9.2	Chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	SNNMT-LĐQL-09.2	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
9.3	Chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y	SNNMT-LĐQL-09.3	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Chi cục Chi cục Chăn nuôi và Thú y
9.4	Chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	SNNMT-LĐQL-09.4	Chuyên viên trở lên	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng
9.5	Chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm	SNNMT-LĐQL-09.5	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Chi cục Kiểm lâm
9.6	Chi cục trưởng Chi cục Bảo vệ môi trường	SNNMT-LĐQL-09.6	Chuyên viên trở lên	Chi cục Bảo vệ môi trường
9.7	Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư	SNNMT-LĐQL-09.7	Chuyên viên trở lên	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư
10	Phó chi cục trưởng và tương đương thuộc Sở	SNNMT-LĐQL-10		
10.1	Phó chi cục trưởng Chi cục Thủy lợi	SNNMT-LĐQL-10.1	Chuyên viên trở lên	Chi cục Thủy lợi
10.2	Phó chi cục trưởng Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật	SNNMT-LĐQL-10.2	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
10.3	Phó chi cục trưởng Chi cục Chăn nuôi và Thú y	SNNMT-LĐQL-10.3	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Chi cục Chi cục Chăn nuôi và Thú y
10.4	Phó chi cục trưởng Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng	SNNMT-LĐQL-10.4	Chuyên viên trở lên	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng
10.5	Phó chi cục trưởng Chi cục Kiểm lâm	SNNMT-LĐQL-10.5	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Chi cục Kiểm lâm
10.6	Phó chi cục trưởng Chi cục	SNNMT-LĐQL-	Chuyên viên trở	Chi cục Bảo vệ môi

STT	Tên vị trí việc làm	Mã VTVL	Ngạch công chức tương ứng	Đơn vị thực hiện
	Bảo vệ môi trường	10.6	lên	trường
10.7	Phó chi cục trưởng Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư	SNNMT-LĐQL-10.7	Chuyên viên trở lên	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư
10.8	Phó chánh Văn phòng Điều phối nông thôn mới	SNNMT-LĐQL-10.8	Chuyên viên trở lên	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh
11	Trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục thuộc Sở	SNNMT-LĐQL-11		
11.1	Trưởng phòng Hành chính-Tổng hợp	SNNMT-LĐQL-11.1	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Các đơn vị trực thuộc
11.2	Trưởng phòng Quản lý đề điều và Phòng chống thiên tai	SNNMT-LĐQL-11.2	Chuyên viên trở lên	Chi cục Thủy lợi
11.3	Trưởng phòng Thủy lợi và Tài nguyên nước	SNNMT-LĐQL-11.3	Chuyên viên trở lên	Chi cục Thủy lợi
11.4	Trưởng phòng Trồng trọt	SNNMT-LĐQL-11.4	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
11.5	Trưởng phòng Bảo vệ thực vật	SNNMT-LĐQL-11.5	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
11.6	Trưởng phòng Chăn nuôi	SNNMT-LĐQL-11.6	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
11.7	Trưởng phòng Thú y	SNNMT-LĐQL-11.7	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
11.8	Trưởng phòng Quản lý chất lượng	SNNMT-LĐQL-11.8	Chuyên viên trở lên	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng
11.9	Trưởng phòng Phát triển nông thôn và Bố trí dân cư	SNNMT-LĐQL-11.9	Chuyên viên trở lên	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng
11.10	Trưởng phòng Chế biến và Phát triển thị trường	SNNMT-LĐQL-11.10	Chuyên viên trở lên	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng
11.11	Trưởng phòng Kinh tế hợp tác và Trang trại	SNNMT-LĐQL-11.11	Chuyên viên trở lên	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng
11.12	Trưởng phòng Quản lý, bảo vệ và Phát triển rừng	SNNMT-LĐQL-11.12	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Chi cục Kiểm lâm
11.13	Trưởng phòng Khai thác thủy	SNNMT-LĐQL-	Chuyên viên trở	Chi cục Thủy sản và

STT	Tên vị trí việc làm	Mã VTVL	Ngạch công chức tương ứng	Đơn vị thực hiện
	sản và Kiểm ngư	11.13	lên	Kiểm ngư
11.14	Trưởng phòng Nuôi trồng thủy sản	SNNMT-LĐQL-11.14	Chuyên viên trở lên	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư
11.15	Trưởng phòng Điều phối - nghiệp vụ	SNNMT-LĐQL-11.15	Chuyên viên trở lên	Văn phòng Điều phối nông thôn mới tỉnh
11.16	Đội trưởng Đội kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng	SNNMT-LĐQL-11.16	Kiểm lâm viên trở lên	Chi cục Kiểm lâm
11.17	Hạt trưởng Hạt kiểm lâm	SNNMT-LĐQL-11.17	Kiểm lâm viên trở lên	Chi cục Kiểm lâm
11.18	Hạt trưởng Hạt quản lý đê	SNNMT-LĐQL-11.18	Kiểm soát viên đê điều trở lên	Chi cục Thủy lợi
12	Phó trưởng phòng và tương đương thuộc Chi cục thuộc Sở	SNNMT-LĐQL-12		
12.1	Phó trưởng phòng Hành chính-Tổng hợp	SNNMT-LĐQL-12.1	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Các đơn vị trực thuộc
12.2	Phó trưởng phòng Quản lý đê điều và Phòng chống thiên tai	SNNMT-LĐQL-12.2	Chuyên viên trở lên	Chi cục Thủy lợi
12.3	Phó trưởng phòng Thủy lợi và Tài nguyên nước	SNNMT-LĐQL-12.3	Chuyên viên trở lên	Chi cục Thủy lợi
12.4	Phó trưởng phòng Trồng trọt	SNNMT-LĐQL-12.4	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
12.5	Phó trưởng phòng Bảo vệ thực vật	SNNMT-LĐQL-12.5	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Chi cục Trồng trọt và Bảo vệ thực vật
12.6	Phó trưởng phòng Chăn nuôi	SNNMT-LĐQL-12.6	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
12.7	Phó trưởng phòng Thú y	SNNMT-LĐQL-12.7	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
12.8	Phó trưởng phòng Quản lý chất lượng	SNNMT-LĐQL-12.8	Chuyên viên trở lên	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng
12.9	Phó trưởng phòng Phát triển nông thôn và Bố trí dân cư	SNNMT-LĐQL-12.9	Chuyên viên trở lên	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng
12.10	Phó trưởng phòng Chế biến và Phát triển thị trường	SNNMT-LĐQL-12.10	Chuyên viên trở lên	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng

STT	Tên vị trí việc làm	Mã VTVL	Ngạch công chức tương ứng	Đơn vị thực hiện
12.11	Phó trưởng phòng Kinh tế hợp tác và Trang trại	SNNMT-LĐQL-12.11	Chuyên viên trở lên	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng
12.12	Phó trưởng phòng Quản lý bảo vệ và Phát triển rừng	SNNMT-LĐQL-12.12	Chuyên viên hoặc tương đương trở lên	Chi cục Kiểm lâm
12.13	Phó trưởng phòng Khai thác thủy sản và Kiểm ngư	SNNMT-LĐQL-12.13	Chuyên viên trở lên	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư
12.14	Phó trưởng phòng Nuôi trồng thủy sản	SNNMT-LĐQL-12.14	Chuyên viên trở lên	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư
12.15	Phó trưởng phòng Điều phối – Nghiệp vụ	SNNMT-LĐQL-12.15	Chuyên viên trở lên	Văn phòng Điều phối Nông thôn mới tỉnh
12.16	Phó đội trưởng Đội kiểm lâm cơ động và phòng cháy chữa cháy rừng	SNNMT-LĐQL-12.16	Kiểm lâm viên trở lên	Chi cục Kiểm lâm
12.17	Phó hạt trưởng Hạt kiểm lâm	SNNMT-LĐQL-12.17	Kiểm lâm viên trở lên	Chi cục Kiểm lâm
12.18	Phó hạt trưởng Hạt quản lý đê	SNNMT-LĐQL-12.18	Kiểm soát viên đê điều trở lên	Chi cục Thủy lợi
II	Vị trí việc làm nghiệp vụ chuyên ngành: 58 vị trí			
1	Chuyên viên chính về quản lý thủy lợi và nước sạch nông thôn	SNNMT-NVCN-01	Chuyên viên chính	Phòng Quản lý xây dựng công trình và Chi cục Thủy lợi
2	Chuyên viên về quản lý thủy lợi và nước sạch nông thôn	SNNMT-NVCN-02	Chuyên viên	Phòng Quản lý xây dựng công trình và Chi cục Thủy lợi
3	Chuyên viên chính về quản lý đê điều và phòng chống thiên tai	SNNMT-NVCN-03	Chuyên viên chính	Chi cục Thủy lợi
4	Chuyên viên về quản lý đê điều và phòng chống thiên tai	SNNMT-NVCN-04	Chuyên viên	Chi cục Thủy lợi
5	Kiểm soát viên chính đê điều	SNNMT-NVCN-05	Kiểm soát viên chính đê điều	Chi cục Thủy lợi
6	Kiểm soát viên đê điều	SNNMT-NVCN-06	Kiểm soát viên đê điều	Chi cục Thủy lợi
7	Kiểm soát viên trung cấp đê điều	SNNMT-NVCN-07	Kiểm soát viên trung cấp đê điều	Chi cục Thủy lợi
8	Chuyên viên chính về quản lý trồng trọt	SNNMT-NVCN-08	Chuyên viên chính	Chi cục Trồng trọt và BVTV, phòng Kế hoạch – Tài chính
9	Chuyên viên về quản lý trồng	SNNMT-NVCN-09	Chuyên viên	Chi cục Trồng trọt và

STT	Tên vị trí việc làm	Mã VTVL	Ngạch công chức tương ứng	Đơn vị thực hiện
	trọt			BVTV, phòng Kế hoạch - Tài chính
10	Chuyên viên chính về bảo vệ thực vật	SNNMT-NVCN-10	Chuyên viên chính	Chi cục Trồng trọt và BVTV
11	Chuyên viên về bảo vệ thực vật	SNNMT-NVCN-11	Chuyên viên	Chi cục Trồng trọt và BVTV
12	Kiểm dịch viên chính thực vật	SNNMT-NVCN-12	Kiểm dịch viên chính thực vật	Chi cục Trồng trọt và BVTV
13	Kiểm dịch viên thực vật	SNNMT-NVCN-13	Kiểm dịch viên thực vật	Chi cục Trồng trọt và BVTV
14	Chuyên viên chính về quản lý chăn nuôi	SNNMT-NVCN-14	Chuyên viên chính	Chi cục Chăn nuôi và Thú y, phòng Kế hoạch - Tài chính
15	Chuyên viên về quản lý chăn nuôi	SNNMT-NVCN-15	Chuyên viên	Chi cục Chăn nuôi và Thú y, phòng Kế hoạch - Tài chính
16	Chuyên viên chính về quản lý thú y	SNNMT-NVCN-16	Chuyên viên chính	Chi cục Chăn nuôi và Thú y, phòng Kế hoạch - Tài chính
17	Chuyên viên về quản lý thú y	SNNMT-NVCN-17	Chuyên viên	Chi cục Chăn nuôi và Thú y, phòng Kế hoạch - Tài chính
18	Kiểm dịch viên chính động vật	SNNMT-NVCN-18	Kiểm dịch viên chính động vật	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
19	Kiểm dịch viên động vật	SNNMT-NVCN-19	Kiểm dịch viên động vật	Chi cục Chăn nuôi và Thú y
20	Chuyên viên chính về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	SNNMT-NVCN-20	Chuyên viên chính	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng
21	Chuyên viên về quản lý chất lượng, chế biến và phát triển thị trường	SNNMT-NVCN-21	Chuyên viên	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng
22	Chuyên viên chính về quản lý lâm nghiệp	SNNMT-NVCN-22	Chuyên viên chính	Chi cục Kiểm lâm, phòng Kế hoạch - Tài chính
23	Chuyên viên về quản lý lâm nghiệp	SNNMT-NVCN-23	Chuyên viên	Chi cục Kiểm lâm, phòng Kế hoạch - Tài chính
24	Kiểm lâm viên chính	SNNMT-NVCN-24	Kiểm lâm viên chính	Chi cục Kiểm lâm
25	Kiểm lâm viên	SNNMT-NVCN-25	Kiểm lâm viên	Chi cục Kiểm lâm
26	Kiểm lâm viên trung cấp	SNNMT-NVCN-26	Kiểm lâm viên	Chi cục Kiểm lâm

STT	Tên vị trí việc làm	Mã VTVL	Ngạch công chức tương ứng	Đơn vị thực hiện
			trung cấp	
27	Chuyên viên chính về phát triển nông thôn	SNNMT-NVCN-27	Chuyên viên chính	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh
28	Chuyên viên về phát triển nông thôn	SNNMT-NVCN-28	Chuyên viên	Chi cục Phát triển nông thôn và Quản lý chất lượng, Văn phòng Điều phối NTM tỉnh
29	Chuyên viên chính về quản lý thủy sản	SNNMT-NVCN-29	Chuyên viên chính	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư, phòng Kế hoạch - Tài chính
30	Chuyên viên về quản lý thủy sản	SNNMT-NVCN-30	Chuyên viên	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư, Thanh tra Sở, phòng Kế hoạch - Tài chính
31	Kiểm ngư viên chính	SNNMT-NVCN-31	Kiểm ngư viên chính	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư
32	Kiểm ngư viên	SNNMT-NVCN-32	Kiểm ngư viên	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư
33	Thuyền trưởng tàu kiểm ngư	SNNMT-NVCN-33	Thuyền viên kiểm ngư	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư
34	Thuyền phó tàu kiểm ngư	SNNMT-NVCN-34	Thuyền viên kiểm ngư	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư
35	Máy trưởng tàu kiểm ngư	SNNMT-NVCN-35	Thuyền viên kiểm ngư	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư
36	Máy phó tàu kiểm ngư	SNNMT-NVCN-36	Thuyền viên kiểm ngư trung cấp	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư, Thanh tra
37	Thủy thủ trưởng và thông tin liên lạc tàu kiểm ngư	SNNMT-NVCN-37	Thuyền viên kiểm ngư	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư
38	Thợ điện tàu kiểm ngư	SNNMT-NVCN-38	Thuyền viên kiểm ngư	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư
39	Chuyên viên chính về tài nguyên nước	SNNMT-NVCN-39	Chuyên viên chính	Chi cục Thủy lợi
40	Chuyên viên về tài nguyên nước	SNNMT-NVCN-40	Chuyên viên	Chi cục Thủy lợi
41	Chuyên viên chính quản lý tổng hợp về biển đảo	SNNMT-NVCN-41	Chuyên viên chính	Phòng Biển và Khoáng sản
42	Chuyên viên quản lý tổng hợp về biển đảo	SNNMT-NVCN-42	Chuyên viên	Phòng Biển và Khoáng sản
43	Chuyên viên chính về khoáng	SNNMT-NVCN-43	Chuyên viên	Phòng Biển và Khoáng

STT	Tên vị trí việc làm	Mã VTVL	Ngạch công chức tương ứng	Đơn vị thực hiện
	sản		chính	sản
44	Chuyên viên về khoáng sản	SNNMT-NVCN-44	Chuyên viên	Phòng Biển và Khoáng sản
45	Chuyên viên chính về khí tượng thủy văn	SNNMT-NVCN-45	Chuyên viên chính	Chi cục Thủy lợi
46	Chuyên viên về khí tượng thủy văn	SNNMT-NVCN-46	Chuyên viên	Chi cục Thủy lợi
47	Chuyên viên chính về biến đổi khí hậu	SNNMT-NVCN-47	Chuyên viên chính	Chi cục Bảo vệ môi trường
48	Chuyên viên về biến đổi khí hậu	SNNMT-NVCN-48	Chuyên viên	Chi cục Bảo vệ môi trường
49	Chuyên viên chính về môi trường	SNNMT-NVCN-49	Chuyên viên chính	Chi cục Bảo vệ môi trường
50	Chuyên viên về môi trường	SNNMT-NVCN-50	Chuyên viên	Chi cục Bảo vệ môi trường
51	Chuyên viên chính về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	SNNMT-NVCN-51	Chuyên viên chính	Chi cục Bảo vệ môi trường
52	Chuyên viên về bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học	SNNMT-NVCN-52	Chuyên viên	Chi cục Bảo vệ môi trường
53	Chuyên viên chính về quản lý đất đai	SNNMT-NVCN-53	Chuyên viên chính	Phòng Quy hoạch – Kế hoạch
54	Chuyên viên về quản lý đất đai	SNNMT-NVCN-54	Chuyên viên	Phòng Quy hoạch – Kế hoạch
55	Chuyên viên chính về đo đạc và bản đồ	SNNMT-NVCN-55	Chuyên viên chính	Phòng Đo đạc, đăng ký và Kinh tế đất
56	Chuyên viên về đo đạc và bản đồ	SNNMT-NVCN-56	Chuyên viên	Phòng Đo đạc, đăng ký và Kinh tế đất
57	Chuyên viên chính về viễn thám	SNNMT-NVCN-57	Chuyên viên chính	Phòng Đo đạc, đăng ký và Kinh tế đất
58	Chuyên viên về viễn thám	SNNMT-NVCN-58	Chuyên viên	Phòng Đo đạc, đăng ký và Kinh tế đất
III	Vị trí việc làm chuyên môn dùng chung: 33 vị trí			
1	Thanh tra viên chính về công tác thanh tra	SNNMT-CMDC-01	Thanh tra viên chính	Thanh tra
2	Thanh tra viên về công tác thanh tra	SNNMT-CMDC-02	Thanh tra viên	Thanh tra
3	Chuyên viên về công tác thanh tra	SNNMT-CMDC-03	Chuyên viên	Thanh tra
4	Thanh tra viên chính về tiếp	SNNMT-CMDC-04	Thanh tra viên	Thanh tra

STT	Tên vị trí việc làm	Mã VTVL	Ngạch công chức tương ứng	Đơn vị thực hiện
	công dân và xử lý đơn		chính	
5	Thanh tra viên về tiếp công dân và xử lý đơn	SNNMT-CMDC-05	Thanh tra viên	Thanh tra
6	Chuyên viên về tiếp công dân và xử lý đơn	SNNMT-CMDC-06	Chuyên viên	Thanh tra
7	Thanh tra viên chính về giải quyết khiếu nại, tố cáo	SNNMT-CMDC-07	Thanh tra viên chính	Thanh tra
8	Thanh tra viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	SNNMT-CMDC-08	Thanh tra viên	Thanh tra
9	Chuyên viên về giải quyết khiếu nại, tố cáo	SNNMT-CMDC-09	Chuyên viên	Thanh tra
10	Thanh tra viên chính về phòng chống tham nhũng, tiêu cực	SNNMT-CMDC-10	Thanh tra viên chính	Thanh tra
11	Thanh tra viên về phòng chống tham nhũng, tiêu cực	SNNMT-CMDC-11	Thanh tra viên	Thanh tra
12	Chuyên viên về phòng chống tham nhũng, tiêu cực	SNNMT-CMDC-12	Chuyên viên	Thanh tra
13	Chuyên viên về pháp chế	SNNMT-CMDC-13	Chuyên viên	Văn phòng
14	Chuyên viên chính về tổ chức bộ máy	SNNMT-CMDC-14	Chuyên viên chính	Phòng Tổ chức-Cán bộ
15	Chuyên viên về tổ chức bộ máy	SNNMT-CMDC-15	Chuyên viên	Phòng Tổ chức-Cán bộ
16	Chuyên viên chính về quản lý nguồn nhân lực	SNNMT-CMDC-16	Chuyên viên chính	Phòng Tổ chức-Cán bộ
17	Chuyên viên về quản lý nguồn nhân lực	SNNMT-CMDC-17	Chuyên viên	Phòng Tổ chức-Cán bộ
18	Chuyên viên về thi đua khen thưởng	SNNMT-CMDC-20	Chuyên viên	Phòng Tổ chức-Cán bộ
19	Chuyên viên về tổng hợp	SNNMT-CMDC-18	Chuyên viên	Phòng và các đơn vị
20	Chuyên viên về cải cách hành chính	SNNMT-CMDC-19	Chuyên viên	Văn phòng
21	Chuyên viên về Hành chính-văn phòng	SNNMT-CMDC-21	Chuyên viên	Văn phòng và các đơn vị
22	Cán sự về hành chính-văn phòng	SNNMT-CMDC-22	Cán sự	Văn phòng
23	Chuyên viên về quản trị công sở	SNNMT-CMDC-23	Chuyên viên	Văn phòng
24	Văn thư viên trung cấp	SNNMT-CMDC-24	Văn thư viên trung cấp	Các đơn vị
25	Chuyên viên về lưu trữ	SNNMT-CMDC-25	Chuyên viên	Văn phòng

STT	Tên vị trí việc làm	Mã VTVL	Ngạch công chức tương ứng	Đơn vị thực hiện
26	Chuyên viên chính về kế hoạch đầu tư	SNNMT-CMDC-26	Chuyên viên chính	Phòng Kế hoạch- Tài chính, phòng Quản lý xây dựng công trình
27	Chuyên viên về kế hoạch đầu tư	SNNMT-CMDC-27	Chuyên viên	Phòng Kế hoạch- Tài chính, phòng Quản lý xây dựng công trình
28	Chuyên viên chính về tài chính	SNNMT-CMDC-28	Chuyên viên chính	Phòng Kế hoạch- Tài chính
29	Chuyên viên về tài chính	SNNMT-CMDC-29	Chuyên viên	Phòng Kế hoạch- Tài chính
30	Kế toán trưởng (Phụ trách kế toán)	SNNMT-CMDC-30	Kế toán viên	Phòng Kế hoạch – Tài chính, các đơn vị
31	Kế toán viên	SNNMT-CMDC-31	Kế toán viên	Phòng Kế hoạch – Tài chính, các đơn vị
32	Chuyên viên thủ quỹ	SNNMT-CMDC-32	Chuyên viên	Phòng Kế hoạch- Tài chính
33	Cán sự thủ quỹ	SNNMT-CMDC-33	Cán sự	Các đơn vị
IV Vị trí việc làm hỗ trợ, phục vụ: 07 vị trí				
1	Nhân viên phục vụ	SNNMT-HTPV-01	HDLĐ	Văn phòng và các đơn vị
2	Nhân viên bảo vệ	SNNMT-HTPV-02	HDLĐ	Văn phòng và các đơn vị
3	Nhân viên lái xe	SNNMT-HTPV-03	HDLĐ	Văn phòng và các đơn vị
4	Nhân viên y tế tàu kiểm ngư	SNNMT-HTPV-04	HDLĐ	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư
5	Nhân viên cấp dưỡng tàu kiểm ngư	SNNMT-HTPV-05	HDLĐ	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư
6	Thủy thủ	SNNMT-HTPV-06	HDLĐ	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư
7	Thợ máy	SNNMT-HTPV-07	HDLĐ	Chi cục Thủy sản và Kiểm ngư